

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 20/4/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST -DS ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1976

Trú tại: Khu phố 3, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Như H, sinh năm: 1972.

Trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1957. Luật sư văn phòng Luật sư Hoàng H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam.

Trú tại: Khu phố 6, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Bà T, ông Đ có mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày tại phiên tòa: Giữa bà T và bà H có quan hệ quen biết và làm ăn chung với nhau từ rất lâu. Bà T cho bà H vay để bà H làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho những người cần đáo hạn. Lãi suất các bên thỏa thuận gấp hai lần lãi suất Ngân hàng theo mức lãi vay không kỳ hạn. Vào ngày 07/01/2020, bà H có vay của bà T số tiền 3.440.000.000 đồng; ngày

10/01/2020, bà H có trả lại cho bà T số tiền 800.000.000 đồng. Ngày 17/01/2020, bà H tiếp tục trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng. Vào ngày 25/01/2020, bà H vay thêm số tiền 30.000.000 đồng và ghi giấy xác nhận nợ. Bà H xác nhận tổng số tiền bà H nợ bà T là 2.170.000.000 đồng. Nhưng sau đó bà H không trả nợ vay gốc và lãi cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H vẫn không trả nợ. Để đảm bảo quyền lợi của bà T, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 2.170.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa bà Trần Thị Thùy T thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà. Bà T khai thêm rằng trước đây mức lãi là do bà H tự đưa khi nào có người vay đưa lãi cao thì bà H đưa nhiều hơn. Sau đó thì các bên thống nhất một tỷ thì một ngày trả lãi 600.000 đồng. Vì bà H vay để làm đáo hạn nên thường xuyên vay trong khoảng thời gian vài ba ngày thì trả. Khi đợt vay cuối cùng này bà H rất lâu không trả cho bà. Bà T đã nhiều lần gặp bà H để đòi nợ nhưng bà H cứ hứa mãi nhưng không trả. Bà gọi điện thoại thì bà H không nghe máy. Do đó bà mới khởi kiện bà H ra Tòa án. Bà T khai số tiền này là tài sản riêng của bà và bà cũng vay mượn của nhưng người thân bạn bè để cho bà H vay. Trước đây việc làm ăn chồng bà không biết. Sau này khởi kiện thì chồng bà mới biết. Nay bà T chỉ yêu cầu bà H trả nợ gốc cho bà và bà T không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn, bà Đỗ Thị Như H đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp, niêm yết và gửi bảo đảm theo đường bưu điện cho bà H các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Bà H đến Tòa án nhận các văn bản như thông báo thụ lý nhưng bà H không ghi bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt không đến tham dự các phiên tòa.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định việc Bà T có cho bà H vay tiền là có thật. Trong quá trình hòa giải cũng như qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nhiều lần. Căn cứ các tài liệu, có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà T số tiền vay gốc là 2.170.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án bà Trần Thị Thùy T yêu cầu bà Đỗ Thị Như H trả cho bà T số tiền vay gốc chưa trả là 2.170.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Đỗ Thị Như H hiện nay đang cư trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đỗ Thị Như H đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp và gửi qua bưu điện các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Bà H cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và các căn cứ xem xét đánh giá:

Bà Trần Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Như H trả số tiền vay gốc là 2.170.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) và Bà T không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình vay các bên có ghi giấy vay nợ và có ký tên ghi họ tên. Nguyên đơn Bà T đã cung cấp giấy vay nợ gốc cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Như H có đến Tòa án nhận các văn bản nhưng không ghi bản tự khai, không tham gia hòa giải. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ để trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà H trong giấy vay nợ.

Tại kết luận giám định số 14/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Chữ viết tay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết tay có nội dung bắt đầu: “Tôi đã sao chụp tài liệu gồm...”, nội dung kết thúc: “...giấy mượn tiền” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1; chữ viết tay trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và chữ viết tên “Đỗ Thị Như H” (dưới chữ ký) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người ký ra.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc bà Đỗ Thị Như H có vay của bà Trần Thị Thùy T số tiền 2.170.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) là có thật. Thời điểm vay từ ngày 25/01/2020 không ấn định ngày trả nợ. Theo nguyên đơn Bà T khai bà H hẹn 30 ngày sau sẽ trả nhưng bà H đã không trả gốc và lãi theo lãi suất thỏa thuận cho Bà T. Bà T khai đã nhiều lần đòi lại khoản tiền cho bà H vay nhưng bà H vẫn không trả cho bà.

Xác định việc giấy vay không hẹn thời điểm trả nợ được xem là hợp đồng vay không kỳ hạn. Bà T đã nhiều lần báo cho bà H về việc đòi lại tài sản. Do vậy, bà T

được quyền đòi lại tài sản cho vay đối với bà H bất cứ lúc nào theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự.

Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc cho bà là đúng nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà Trần Thị Thùy T số tiền nợ gốc là 2.170.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chi phí giám định số tiền 4.000.000 đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T tự nguyện nhận chịu. Bà T đã nộp xong số tiền 4.000.000 đồng nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị Như H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho số tiền nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại các Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là: 75.400.000 đồng;

Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 37.700.000 theo biên lai thu số 0005597 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T. Buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà Trần Thị Thùy T số tiền nợ gốc là 2.170.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Như H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 75.400.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng)

Hoàn lại cho bà Trần Thị Thùy T số tiền tạm ứng án phí là 37.700.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005597 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về chi phí giám định số tiền 4.000.000 đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T tự nguyện nhận chịu. Bà T đã nộp xong số tiền 4.000.000 đồng nên không xét.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành